

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **249/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 02 - 8 - 2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Phạm Công Uẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1141/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Ngọc B1**, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: 738/28/4, tổ 5, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Linh Nhục K**, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: 738/28/4, tổ 5, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông B1, bà K có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2022, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc B1 trình bày:

Ông và bà Linh Nhục K tự nguyện đến với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22 tháng 3 năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Ông và bà K sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Ông xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông xin được ly hôn với bà Linh Nhục K.

Về con chung: Có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014. Ly hôn, ông đồng ý giao 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 cho bà Linh Nhục K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện ông đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Pou chen Việt Nam, thu nhập hàng tháng của ông khoảng 30.000.000đồng/tháng. Trường hợp bà Linh Nhục K không có khả năng nuôi con 03 con chung, ông có nguyện vọng nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1 và cháu Nguyễn Hoàng L2, ông không yêu cầu bà Linh Nhục K cấp dưỡng nuôi con 03 con chung. Tại phiên tòa ông đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1 và cháu Nguyễn Hoàng L2 là 6.000.000đồng/tháng/03 con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tại phiên tòa bị đơn bà Linh Nhục K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc B1 tự nguyện đến với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22 tháng 3 năm 2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Nay ông Nguyễn Ngọc B1 xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Ngọc B1 xin được ly hôn với bà. Bà xác định tình cảm không còn, bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B1.

Về con chung: Có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014. Ly hôn, ông Nguyễn Ngọc B1 đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1 và cháu Nguyễn Hoàng L2, bà yêu cầu ông Nguyễn Ngọc B1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung 8.000.000đồng/tháng. Thu nhập hàng tháng của bà khoảng 10.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa ông B1 đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1 và cháu Nguyễn Hoàng L2 là 6.000.000đồng/tháng. Bà đồng ý với yêu cầu của ông B1, bà yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi 03 con là 6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà xin rút lại đơn yêu cầu chia tài sản ngày 30/5/2022, bà và ông Nguyễn Ngọc B1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ý kiến Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Theo ông Nguyễn Ngọc B1 trình bày: vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Ông Nguyễn Ngọc B1 xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau, cuộc sống chung trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Ngọc B1 xin được ly hôn với bà Linh Nhục K. Bà Linh Nhục K đồng ý ly hôn ông Nguyễn Ngọc B1. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Ngọc B1, ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014. Ly hôn, ông Nguyễn Ngọc B1 đồng ý giao 03

con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 cho bà Linh Nhục K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn bà Linh Nhục K có nguyện vọng nuôi 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1 và cháu Nguyễn Hoàng L2.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc B1 đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung, là 6.000.000đồng/tháng, tại phiên tòa bà Linh Nhục K đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc B1, yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung 6.000.000đồng/tháng. Nên ghi nhận.

Giao 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 cho bà Linh Nhục K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc B1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung 6.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B tỉnh Đ. Đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B tỉnh Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2010 đúng theo quy định tại Điều 9, 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Nguyễn Ngọc B1 trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. ông B1 và bà K sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Ông Nguyễn Ngọc B1 xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Ngọc B1 xin được ly hôn với bà Linh Nhục K.

Bà Linh Nhục K trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Ông Nguyễn Ngọc B1 xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn với bà. Bà Linh Nhục K xác định tình cảm không còn, bà Linh Nhục K đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B1. Nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc B1 và Linh Nhục K có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014. Ly hôn ông Nguyễn Ngọc B1 đồng ý giao 03 con chung cho Linh Nhục K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc B1 đồng ý cấp dưỡng nuôi 03 con chung là 6.000.000đồng/tháng. Hiện ông Nguyễn Ngọc B1 đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Pou chen Việt Nam, thu nhập hàng tháng của ông Nguyễn Ngọc B1 khoảng 30.000.000đồng/tháng.

Ly hôn, bà K có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014. Tại phiên tòa bà Linh Nhục K đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc B1, yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung 6.000.000đồng/tháng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày 27/5/2022 cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 có nguyện vọng sống với bà Linh Nhục K. Vì vậy, giao 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 cho bà Linh Nhục K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa bà Linh Nhục K đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc B1, yêu cầu ông B1 cấp dưỡng nuôi 03 con chung 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng)/tháng. Nên ghi nhận.

Ông Nguyễn Ngọc B1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ngày 27/5/2022 bà Linh Nhục K có đơn yêu cầu chia tài sản chung. Ngày 20/6/2022 Tòa án nhân dân thành phố B tổng đạt trực tiếp Thông báo số: 491/TB-TA, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng bà Linh Nhục K không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật. Ngày 12/7/2022 bà Linh Nhục K xin rút lại đơn yêu cầu chia tài sản ngày 27/5/2022, bà Linh Nhục K và ông Nguyễn Ngọc B1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của ông Nguyễn Ngọc B1 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 203, 220, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc B1 đối với bà Linh Nhục K về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K thuộc tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K có 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014.

Giao 03 con chung cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 cho Linh Nhục K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Ngọc B1 cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/tháng/03 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Thùy L, sinh ngày 02/10/2010, cháu Nguyễn Ngọc Phi L1, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Nguyễn Hoàng L2, sinh ngày 15/6/2014 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Ngọc B1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc B1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí án phí ông Nguyễn Ngọc B1 nộp theo biên lai số 0002324 ngày 15/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Ngọc B1 còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Ngọc B1 và bà Linh Nhục K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ (2);
- THA TP. B (2);
- VKSND TP. B (2);
- Đường sự (2);
- UBND phường T,
- TP. B, tỉnh Đ (1);

Trần Thị Kim Dung